

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **38** /2010/TT-BCT

Hà Nội, ngày **02** tháng **12** năm **2010**

## **THÔNG TƯ**

**về việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2011  
với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hoá có xuất xứ từ Lào**

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Bản Thoả thuận giữa Bộ Công Thương CHXHCN Việt Nam và Bộ Thương mại CHDCND Lào về các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt-Lào, ký ngày 17 tháng 1 năm 2009;

Căn cứ Bản Thoả thuận giữa Bộ Công Thương CHXHCN Việt Nam và Bộ Công Thương CHDCND Lào về việc điều chỉnh và bổ sung Bản Thoả thuận giữa Bộ Thương mại CHXHCN Việt Nam và Bộ Thương mại CHDCND Lào về các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt-Lào ký ngày 29 tháng 10 năm 2010;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 8339/VPCP-QHQT ngày 16 tháng 11 năm 2010 việc triển khai Thỏa thuận Việt Nam - Lào về ưu đãi hàng hóa;

Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2011 với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hoá có xuất xứ từ Lào như sau:

### **Điều 1. Danh mục hàng hóa và lượng HNTQ nhập khẩu năm 2011**

Áp dụng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu năm 2011 đối với hai nhóm mặt hàng có xuất xứ từ Lào gồm: thóc và gạo các loại, lá và cọng thuốc lá với thuế suất thuế nhập khẩu bằng 0% (không phần trăm). Mã số hàng hoá và tổng lượng hạn ngạch thuế quan của các nhóm mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu bằng 0% theo Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này.

### **Điều 2. Điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan 0%**

1. Hàng hoá nhập khẩu phải có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá mẫu S (C/O form S) do cơ quan thẩm quyền của CHDCND Lào cấp theo quy định và được thông quan qua các cặp cửa khẩu nêu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này. Thủ tục nhập khẩu hàng hoá giải quyết tại hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục nhập

khẩu hàng hoá theo nguyên tắc trừ lùi tự động (tổng lượng hàng nhập khẩu được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu 0% trừ đi số lượng đã nhập khẩu của từng mặt hàng).

2. Thương nhân Việt Nam được nhập khẩu các mặt hàng thóc và gạo các loại theo hạn ngạch thuế quan. Đối với lá và cọng thuốc lá, chỉ những thương nhân có giấy phép nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan do Bộ Công Thương cấp theo quy định tại Thông tư số 04/2006/TT-BTM ngày 06 tháng 4 năm 2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) mới được phép nhập khẩu; Số lượng nhập khẩu tính trừ vào hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo giấy phép do Bộ Công Thương cấp.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2011 và hết hiệu lực sau ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### ***Nơi nhận:***

- Thủ tướng, các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng TW và Ban Kinh tế TW;
- Viện KSND tối cao;
- Tòa án ND tối cao;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Công Thương;
- Các Sở Công Thương;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc;
- Lưu : VT, XNK.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thành Biên**

Phụ lục số 01

**MÃ SỐ HÀNG HOÁ VÀ TỔNG LƯỢNG HẠN NGẠCH THUẾ QUAN  
NHẬP KHẨU TỪ LÀO NĂM 2011**

(Kèm theo Thông tư số 38/2010/TT-BCT  
ngày 08 tháng 1 năm 2010 của Bộ Công Thương)



TÊN HÀNG	MÃ SỐ HÀNG HOÁ	TỔNG LƯỢNG HẠN NGẠCH NĂM 2011	GHI CHÚ
<b>I- Thóc và gạo các loại</b>			
Thóc loại khác	1006.10.00.90	<b>40.000 tấn quy gạo</b>	Tỷ lệ quy đổi: 2 thóc = 1,2 gạo
Gạo thơm loại khác đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ	1006.30.19.00		
Gạo nếp đã xát toàn bộ, hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ	1006.30.30.00		
Gạo loại khác đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ	1006.30.90.00		
<b>II- Lá và cọng thuốc lá</b>			
Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại Virginia đã sấy bằng không khí nóng	2401.10.10.00	<b>3.000 tấn</b>	
Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại Virginia chưa sấy bằng không khí nóng	2401.10.20.00		
Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại khác, đã sấy bằng không khí nóng	2401.10.30.00		
Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại khác, chưa sấy bằng không khí nóng	2401.10.90.00		
Lá thuốc lá đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ, loại Virginia đã sấy bằng không khí nóng	2401.20.10.00		
Lá thuốc lá đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ, loại Burley	2401.20.40.00		
Cọng lá thuốc lá	2401.30.10.00		

Phụ lục số 02

DANH SÁCH CÁC CẤP CỬA KHẨU

(Kèm theo Thông tư số 38/2010/TT-BCT

ngày 02 tháng 12 năm 2010 của Bộ Công Thương)

TT	Phía Việt Nam	Phía Lào
1	Na Mèo (Thanh Hóa)	Nậm Xôi (Hủa Phăn)
2	Nậm Cắn (Nghệ An)	Nậm Cắn (Xiêng Khoảng)
3	Cầu Treo (Hà Tĩnh)	Nậm Phao (Bolikhamsay)
4	Cha Lo (Quảng Bình)	Na Phầu (Khăm Muôn)
5	Lao Bảo (Quảng Trị)	Đen Sa vẳn (Savannakhet)
6	Tây Trang (Điện Biên)	Sốp Hùn (Phong Salỳ)
7	Chiềng Khương (Sơn La)	Bản Đán (Hủa Phăn)
8	Lóng Sập (Sơn La)	Pa Háng (Hủa Phăn)
9	La Lay (Quảng Trị)	La Lay (Salavăn)
10	Bờ Y (Kon Tum)	Phu Ca (Attapư)
11	Tén Tân (Thanh Hóa)	Sổm Vẳng (Hủa Phăn)
12	Thanh Thủy (Nghệ An)	Nậm On (Bolikhamsay)
13	Ka Rông (Quảng Bình)	Noong Mạ (Khăm Muôn)